

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 3 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Vĩnh Thịnh

Bà Phạm Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thu H, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Ấp X, xã LT, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm: 1965

Địa chỉ: XYZ, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2018 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Trương Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Lê Văn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tháng 11 năm 2015 và đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống với nhau được khoảng 05 tháng. Sau đó, ông T trở về Hoa Kỳ sinh sống, còn bà thì ở lại Việt Nam. Từ khi chồng bà trở về Hoa Kỳ cho đến nay thì không có về

Việt Nam thăm bà lần nào, hai bên chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, càng ngày càng ít liên lạc. Khoảng 01 năm nay, hai bên không còn liên lạc với nhau. Bà nhận thấy do khoảng cách địa lý quá xa, tình cảm bà dành cho chồng bà không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân kéo dài như thế cũng không có hạnh phúc .

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến Hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Lê Văn T đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trả lời kết quả không thực hiện được ủy thác tư pháp do đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu ủy thác. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến Hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định nhưng ông Lê Văn T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến Hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn T theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Trương Thị Thu H và ông Lê Văn T là ly hôn, nguyên đơn bà Trương Thị Thu H đang ở Việt Nam, bị đơn ông Lê Văn T hiện đang ở nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thu H và ông Lê Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào tháng 11 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 11 năm 2015 nên hôn nhân giữa bà Trương Thị Thu H và ông Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông T và bà H chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 05 tháng thì ông T quay trở về Hoa Kỳ. Sau đó, ông T không trở về Việt Nam thăm bà H lần nào, hai bên chủ yếu liên lạc với nhau qua điện thoại. Khoảng 01 năm nay thì ông T và bà H không còn liên lạc với nhau. Tòa án đã tiến Hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Lê Văn T nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác do ông T không còn ở địa chỉ mà bà H cung cấp cho Tòa án. Do bà T có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án và cam kết đồng ý với mọi phán quyết của Tòa, không khiếu nại về

sau. Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của ông Lê Văn T đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa ông T vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của bà H nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Trương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trương Thị Thu H.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Trương Thị Thu H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của ông Lê Văn T nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008125 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Cục T Hình án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Trương Thị Thu H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Lê Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thế Xương